

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÙ ĐĂNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 11/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 06/02/2025

V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Bà Trịnh Thị Tâm, chức vụ Kiểm
sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng,
tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số:
172/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 10 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
252/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1989

-Bị đơn: anh Bùi Văn T, sinh năm 1991

Cùng cư trú tại: thôn H, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần hai không lý do

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2024 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị
Trần Thị Hải Y trình bày:* Chị Trần Thị Hải Y và anh Bùi Văn T tự nguyện chung sống và
kết hôn năm 2019, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh
Bình Phước; chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T
thường xuyên đi nhậu, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau và vợ chồng đã sống ly
thân từ năm 2022 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân không có sự quan tâm,
chăm sóc nhau, kinh tế độc lập. Hiện nay chị Y thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ
chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho
chị Y được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Bùi Tấn P, sinh ngày 03/9/2020; cháu
Bùi Nhật A, sinh ngày 10/3/2023; Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Bùi Văn T: Toà án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho anh T hợp lệ nhưng anh T không thực hiện, không chấp hành giấy triệu tập của toà án; không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì.

Về tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao các cháu Bùi Tấn P, sinh ngày 03/9/2020; cháu Bùi Nhật A, sinh ngày 10/3/2023 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Y và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, xác định được chị Y và anh T tự nguyện kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được chị Y giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị Y cho rằng giữa chị và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi nhậu, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, kinh tế độc lập. Hiện nay chị Y thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh T. Qua lời khai của người làm chứng xác định giữa chị Y và anh T có xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân kéo dài, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh T và chị Y là có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

[2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị Y và giấy khai sinh do chị Y cung cấp, xác định được giữa anh T và chị Y có 02 con chung là các cháu Bùi Tấn P, sinh ngày 03/9/2020; cháu Bùi Nhật A, sinh ngày 10/3/2023, hiện đang chung sống cùng chị Y; khi

ly hôn chị Y có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, anh T thường xuyên đi vắng, không trực tiếp chăm sóc các cháu; trong thời gian vợ chồng sống ly thân do chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện các cháu con nhỏ để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt cần chấp nhận yêu cầu của chị Y giao cả 02 cháu cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Hải Y được ly hôn với anh Bùi Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2019 ngày 09/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực pháp luật kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao các cháu Bùi Tấn P, sinh ngày 03/9/2020; cháu Bùi Nhật A, sinh ngày 10/3/2023 cho chị Trần Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009423, ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã, T.tr nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH